

HƯỚNG DẪN RÀ SOÁT SỔ ĐIỂM ĐIỆN TỬ
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP &
XÉT DUYỆT DANH HIỆU (CUỐI KỲ, CẢ NĂM)
Từ năm học: 2024 – 2025

(trích lược từ Quy chế đánh giá học sinh THPT)



(CĂN CỨ THEO TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CỦA CHƯƠNG TRÌNH GDPT – 2018)

Khung kế hoạch
Giáo dục THPT
tổng thể

(trích Thông tư số
13/2022/TT-BGDĐT và
Thông tư số
32/2018/TT-BGDĐT)

Nội dung giáo dục		Số tiết/năm học/lớp
Môn học bắt buộc	Ngữ văn	105
	Toán	105
	Ngoại ngữ 1	105
	Lịch sử	52
	Giáo dục thể chất	70
	Giáo dục quốc phòng và an ninh	35
Môn học lựa chọn	Địa lí	70
	Giáo dục kinh tế và pháp luật	70
	Vật lí	70
	Hoá học	70
	Sinh học	70
	Công nghệ	70
	Tin học	70
	Âm nhạc	70
	Mĩ thuật	70
Chuyên đề học tập lựa chọn (3 cụm chuyên đề)		105
Hoạt động giáo dục bắt buộc	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	105
Nội dung giáo dục của địa phương		35
Môn học tự chọn		
Tiếng dân tộc thiểu số		105
Ngoại ngữ 2		105
Tổng số tiết học/năm học (không kể các môn học tự chọn)		997
Số tiết học trung bình/tuần (không kể các môn học tự chọn)		28,5

Quy định về hoạt
động kiểm tra,
đánh giá môn
học:

Thường xuyên
(ĐĐGtx)

*ĐGtx môn học có thể thông qua **các hình thức bài kiểm tra** như: hỏi đáp; viết (tự luận / trắc nghiệm; trên giấy hoặc trên hệ thống khảo thí – kiểm tra, đánh giá trực tuyến của nhà trường); thuyết trình; kết quả thực hành / thí nghiệm; sản phẩm học liệu hoặc sản phẩm thu hoạch theo chuyên đề học tập / dự án học tập của bộ môn.

*ĐGtx môn học được thực hiện **nhiều lần kiểm tra**; sau đó, GVBM **chọn kết quả của một số lần kiểm tra phù hợp** với tiến trình dạy học để đánh giá KQHT môn đó theo quy định số đầu điểm tối thiểu ở mỗi đợt đánh giá của nhà trường.

Quy định về hoạt
động kiểm tra,
đánh giá môn
học:

Thường xuyên
(ĐĐGtx)

*Đối với môn học có hình thức đánh giá **“nhận xét”**: GVBM chọn kết quả của **02 lần** đánh giá ở mỗi học kỳ.

*Đối với môn học có hình thức **“nhận xét kết hợp điểm số”**: GVBM chọn số điểm ĐGtx (ĐĐGtx) của từ **02 đến 04 lần** đánh giá ở mỗi học kỳ (**tùy thuộc quy định về tổng số tiết dạy môn học /năm; không bao gồm Cụm chuyên đề học tập**).

Riêng đối với **“Cụm chuyên đề học tập” môn học (kể cả hình thức “nhận xét” và hình thức “nhận xét kết hợp điểm số”): GVBM chọn kết quả của **01 lần** đánh giá trong mỗi học kỳ; kết quả đánh giá của Cụm chuyên đề học tập môn học được tính là kết quả **của 01 lần ĐGtx** của môn học đó khi sử dụng để đánh giá KQHT của môn học.

**SỐ ĐẦU ĐIỂM TỐI THIỂU ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN
(BẢNG HÌNH THỨC “NHẬN XÉT KẾT HỢP ĐIỂM SỐ”)**

Tổng số tiết của môn học /năm học	Số đầu điểm tối thiểu /học kỳ
Môn học có 35 tiết	02 ĐĐGtx
Môn học có trên 35 tiết đến 70 tiết	03 ĐĐGtx
Môn học có trên 70 tiết	04 ĐĐGtx

Quy định về hoạt
động kiểm tra,
đánh giá môn
học:

Định kỳ
(ĐGđk)

*Bao gồm: **01 lần** đánh giá Giữa kỳ (**ĐĐGgk**) và **01 lần** đánh giá Cuối kỳ (**ĐĐGck**) ở mỗi học kỳ.

***Không** thực hiện hoạt động ĐGđk đối với “**Cụm chuyên đề học tập môn học**”.

*ĐGđk môn học được thông qua hình thức bài kiểm tra “Tự luận” hoặc “Tự luận kết hợp Trắc nghiệm khách quan”; làm bài viết trên giấy (được tổ chức “tập trung” cấp trường hoặc GVBM tổ chức “tự chủ trên lớp học” theo quy chế đánh giá của nhà trường); có thể thực hiện trên hệ thống khảo thí – kiểm tra, đánh giá trực tuyến của nhà trường (theo quyết định của Hiệu trưởng nhà trường).

Quy định về hoạt
động kiểm tra,
đánh giá môn
học đối với học
sinh

*Học sinh **không** tham gia thực hiện bài kiểm tra, đánh giá theo số lần quy định: nếu có lý do bất khả kháng (minh chứng, nguyên nhân hợp lý), thì được nhà trường tổ chức **kiểm tra, đánh giá bù** (bổ sung) với yêu cầu cần đạt; tương đương với số lần kiểm tra còn thiếu **của học kỳ hiện hành**.

*Học sinh **tiếp tục không** tham gia kiểm tra, đánh giá bù theo quy định sau khi được thông báo; thì được đánh giá ở mức “**Chưa đạt**” hoặc nhận điểm **00** (điểm không) đối với số lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

Quy định chung
về đánh giá
Kết quả Học tập
môn học (KQHT)
của học sinh

Đối với môn học có hình thức đánh giá bằng “Nhận xét**” ở cuối **Học kỳ**: (GDTC, HĐTN&HN, GDĐP)

1-Mức Đạt (**Đ**): có đủ số lần kiểm tra, đánh giá theo quy định; **tất cả các lần đánh giá đều có mức “Đ”**.

2-Mức Chưa đạt (**CĐ**): các trường hợp còn lại.

Đối với môn học có hình thức đánh giá bằng “Nhận xét**” **Cả năm**: (GDTC, HĐTN&HN, GDĐP)

1-Mức Đạt (**Đ**): có KQHT của **Học kỳ II được đánh giá ở mức “Đ”**.

2-Mức Chưa đạt (**CĐ**): có KQHT của **Học kỳ II được đánh giá ở mức “CĐ”**.

Quy định chung về đánh giá

Kết quả Học tập
môn học (KQHT)
của học sinh

****Đối với môn học có hình thức đánh giá bằng “Nhận xét kết hợp Điểm số” ở cuối Học kỳ:** Sử dụng “điểm trung bình môn Học kỳ (**ĐTB_{mhk}**)” để đánh giá KQHT môn học ở từng Học kỳ.

$$\text{ĐTB}_{\text{mhk}} = \frac{\text{TĐĐG}_{\text{tx}} + 2 \times \text{ĐĐG}_{\text{gk}} + 3 \times \text{ĐĐG}_{\text{ck}}}{\text{Số ĐĐG}_{\text{tx}} + 5}$$

TĐĐG_{tx} : Tổng điểm đánh giá thường xuyên.

Quy định chung về đánh giá

Kết quả Học tập
môn học (KQHT)
của học sinh

****Đối với môn học có hình thức đánh giá bằng “Nhận xét kết hợp Điểm số” Cả năm:** Sử dụng “điểm trung bình môn Cả năm (**ĐTB_{mcn}**)” để đánh giá KQHT môn học Cả năm.

$$\text{ĐTB}_{\text{mcn}} = \frac{\text{ĐTB}_{\text{mhkI}} + 2 \times \text{ĐTB}_{\text{mhkII}}}{3}$$

ĐTB_{mhkI} : Điểm trung bình môn học kì I.

$\text{ĐTB}_{\text{mhkII}}$: Điểm trung bình môn học kì II.

Mức đánh giá KQHT Cuối Học kỳ & Cả Năm	Tiêu chí đánh giá: điều kiện Cần	Tiêu chí đánh giá: điều kiện Đủ
TỐT: T	*Tất cả môn học có đánh giá “nhận xét” đều có mức Đ. *ĐTBmhk, ĐTBmcn của tất cả môn học đều từ 6,5 điểm trở lên.	*Phải có ít nhất 06 môn học có ĐTBmhk, ĐTBmcn đạt từ 8,0 điểm trở lên.
KHÁ: K	*Tất cả môn học có đánh giá “nhận xét” đều có mức Đ. *ĐTBmhk, ĐTBmcn của tất cả môn học đều từ 5,0 điểm trở lên.	*Phải có ít nhất 06 môn học có ĐTBmhk, ĐTBmcn đạt từ 6,5 điểm trở lên.

Mức đánh giá KQHT Cuối Học kỳ & Cả Năm	Tiêu chí đánh giá: điều kiện Cần	Tiêu chí đánh giá: điều kiện Đủ
ĐẠT: Đ	*Có nhều nhất 01 môn học có đánh giá “nhận xét” là mức CĐ. *Không có môn học nào có ĐTBmhk, ĐTBmcn dưới 3,5 điểm.	*Phải có ít nhất 06 môn học có ĐTBmhk, ĐTBmcn đạt từ 5,0 điểm trở lên.
CHƯA ĐẠT: CĐ	*Các trường hợp còn lại.	

Mức đánh giá KQHT Cuối Học kỳ & Cả Năm	Nếu thỏa điều kiện:	Thì có thể xét:
Điều chỉnh mức đánh giá KQHT	*Chỉ do kết quả đánh giá của duy nhất 01 môn học ; mà mức đánh giá kết quả học tập của Học kỳ, Cả năm bị thấp xuống từ 02 mức trở lên so với mức “Tốt”, “Khá” theo quy định.	*Mức đánh giá kết quả học tập của Học kỳ đó, Cả năm đó sẽ được điều chỉnh lên mức liền kề .

Mức đánh giá KQHT Cuối Học kỳ & Cả Năm	Nếu thỏa điều kiện:	Thì có thể xét:
Điều chỉnh mức đánh giá KQHT	*Chỉ do kết quả đánh giá của duy nhất 01 môn học ; mà mức đánh giá kết quả học tập của Học kỳ, Cả năm bị thấp xuống từ 02 mức trở lên so với mức “Tốt” theo quy định (bị xuống mức “Đạt” hoặc “Chưa đạt”).	*Mức đánh giá kết quả học tập của Học kỳ đó, Cả năm đó sẽ được điều chỉnh lên mức liền kề . (mức “Đạt” lên mức “Khá” ; mức “Chưa đạt” lên mức “Đạt”)
(trường hợp xét đặc cách)	*Chỉ do kết quả đánh giá của duy nhất 01 môn học ; mà mức đánh giá kết quả học tập của Học kỳ, Cả năm bị thấp xuống từ 02 mức trở lên so với mức “Khá” theo quy định (bị xuống mức “Chưa đạt”).	*Mức đánh giá kết quả học tập của Học kỳ đó, Cả năm đó sẽ được điều chỉnh lên mức liền kề . (mức “Chưa đạt” lên mức “Đạt”)

Minh họa trường hợp học sinh có kết quả học tập (KQHT): CHƯA ĐẠT

1. Kết quả học tập: Chưa đạt

Loại môn học	Điều kiện	Số lượng	Chi tiết
Môn đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số	$\text{ĐTB môn} \geq 8.0$	2	Sinh học, GDKT&PL
	$6.5 \leq \text{ĐTB môn} < 8.0$	3	Ngữ Văn, Lịch sử, Công Nghệ
	$5.0 \leq \text{ĐTB môn} < 6.5$	2	GDQP AN, Địa lí
	$3.5 \leq \text{ĐTB môn} < 5.0$	1	Toán
	$\text{ĐTB môn} < 3.5$	1	Tiếng Anh
Môn đánh giá bằng nhận xét	Đạt	2	Giáo dục thể chất, HĐ TNHN
	Chưa đạt	0	

Minh họa trường hợp học sinh có kết quả học tập (KQHT): ĐẠT

1. Kết quả học tập: Đạt

Loại môn học	Điều kiện	Số lượng	Chi tiết
Môn đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số	$\text{ĐTB môn} \geq 8.0$	4	Sinh học, Lịch sử, Địa lí, GDKT&PL
	$6.5 \leq \text{ĐTB môn} < 8.0$	1	Công Nghệ
	$5.0 \leq \text{ĐTB môn} < 6.5$	3	Ngữ Văn, Tiếng Anh, GDQP AN
	$3.5 \leq \text{ĐTB môn} < 5.0$	1	Toán
	$\text{ĐTB môn} < 3.5$	0	
Môn đánh giá bằng nhận xét	Đạt	2	Giáo dục thể chất, HĐ TNHN
	Chưa đạt	0	

Minh họa trường hợp học sinh có kết quả học tập (KQHT): KHÁ

1. Kết quả học tập: Khá

Loại môn học	Điều kiện	Số lượng	Chi tiết
Môn đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số	$\text{ĐTB môn} \geq 8.0$	6	Tiếng Anh, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, GDKT&PL, Công Nghệ
	$6.5 \leq \text{ĐTB môn} < 8.0$	2	Ngữ Văn, Toán
	$5.0 \leq \text{ĐTB môn} < 6.5$	1	GDQP AN
	$3.5 \leq \text{ĐTB môn} < 5.0$	0	
	$\text{ĐTB môn} < 3.5$	0	
Môn đánh giá bằng nhận xét	Đạt	2	Giáo dục thể chất, HĐ TNHN
	Chưa đạt	0	

Minh họa trường hợp học sinh có kết quả học tập (KQHT): TỐT

1. Kết quả học tập: Tốt

Loại môn học	Điều kiện	Số lượng	Chi tiết
Môn đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số	$\text{ĐTB môn} \geq 8.0$	7	Tiếng Anh, GDQP AN, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, GDKT&PL, Công Nghệ
	$6.5 \leq \text{ĐTB môn} < 8.0$	2	Ngữ Văn, Toán
	$5.0 \leq \text{ĐTB môn} < 6.5$	0	
	$3.5 \leq \text{ĐTB môn} < 5.0$	0	
	$\text{ĐTB môn} < 3.5$	0	
Môn đánh giá bằng nhận xét	Đạt	2	Giáo dục thể chất, HĐ TNHN
	Chưa đạt	0	

Minh họa trường hợp học sinh có kết quả học tập (KQHT): Đặc cách xét 01 mức

1. Kết quả học tập: Đạt

Loại môn học	Điều kiện	Số lượng	Chi tiết
Môn đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số	ĐTB môn >= 8.0	4	Tiếng Anh, Sinh học, Địa lí, GDKT&PL
	6.5 <= ĐTB môn < 8.0	4	Ngữ Văn, GDQP AN, Lịch sử, Công Nghệ
	5.0 <= ĐTB môn < 6.5	0	
	3.5 <= ĐTB môn < 5.0	0	
	ĐTB môn < 3.5	1	Toán
Môn đánh giá bằng nhận xét	Đạt	2	GDTC, HĐ TNHN
	Chưa đạt	0	

Do duy nhất kết quả đánh giá môn Toán mà mức đánh giá kết quả học tập của học sinh từ mức Khá xuống mức Chưa đạt. Nên kết quả học tập của học sinh được điều chỉnh lên mức Đạt.

DANH HIỆU	Tiêu chí đánh giá: điều kiện Cần	Tiêu chí đánh giá: điều kiện Đủ
Học sinh Xuất sắc: HSXS	*Học sinh có kết quả Rèn luyện và kết quả Học tập của Cả năm đều được đánh giá ở mức Tốt.	*Phải có ít nhất 06 môn học đều có ĐTBmcn từ 9,0 điểm trở lên.
Học sinh Giỏi: HSG	*Học sinh có kết quả Rèn luyện và kết quả Học tập của Cả năm đều được đánh giá ở mức Tốt.	-

Quy định chung về xét duyệt

“Được lên lớp...”
hoặc được công
nhận “Hoàn
thành chương
trình THPT”

*Nghỉ học **không quá 45** buổi học trong 01 năm học (theo kế hoạch giáo dục năm học hiện hành của nhà trường); bao gồm: **nghỉ học có phép hoặc không phép, nghỉ học liên tục hoặc không liên tục.**

Kết quả **Rèn luyện Cả năm (bao gồm kết quả đánh giá sau khi Rèn luyện, đánh giá lại trong hè - nếu có): từ mức **Đạt trở lên.**

***Kết quả **Học tập Cả năm** (bao gồm kết quả đánh giá sau khi Kiểm tra, đánh giá lại – nếu có): từ mức **Đạt trở lên.**

Tổ chức xét duyệt đánh giá Rèn luyện lại trong kỳ nghỉ hè

*Học sinh có Kết quả **Rèn luyện Cả năm** có mức “**Chưa đạt**” thì phải thực hiện **Rèn luyện lại trong kỳ nghỉ hè**; kế hoạch và hình thức Rèn luyện lại do Hiệu trưởng quyết định ban hành để Giáo viên chủ nhiệm, Cán bộ phụ trách giám sát giao nhiệm vụ cho học sinh và thông báo đến cha mẹ học sinh.

Nếu học sinh hoàn thành nhiệm vụ Rèn luyện lại (đầy đủ minh chứng quá trình, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ; có chữ ký xác nhận của cha mẹ học sinh**); thì học sinh được Giáo viên chủ nhiệm đề nghị Hiệu trưởng cho Đánh giá lại.

***Kết quả Đánh giá lại sẽ được sử dụng **thay thế cho kết quả Rèn luyện Cả năm**; để Hội đồng đánh giá của nhà trường thực hiện việc **xét duyệt Lên lớp** theo quy định hoặc xét duyệt đủ điều kiện đăng ký Kiểm tra, đánh giá lại môn học (nếu có).

Tổ chức xét duyệt
đánh giá Kiểm
tra, đánh giá lại
môn học trong kỳ
nghỉ hè

*Nếu học sinh **chưa đủ điều kiện lên lớp**, nhưng có Kết quả **Rèn luyện Cả năm** (bao gồm **kết quả Rèn luyện lại**) được đánh giá từ mức **Đạt trở lên**; thì được đăng ký đánh giá lại **Kết quả Học tập** của các môn học “**Chưa đạt**” (đối với hình thức đánh giá bằng nhận xét) hoặc có “**ĐTBmcn dưới 5,0 điểm**”.

Sau khi thực hiện đầy đủ, hoàn thành các yêu cầu Kiểm tra, đánh giá lại; thì kết quả đánh giá lại của môn học sẽ được sử dụng **thay thế Kết quả Học tập Cả năm học của môn đó, để Hội đồng đánh giá của nhà trường thực hiện việc xét duyệt Lên lớp theo quy định.

Mức đánh giá KQHT Cuối Học kỳ & Cả Năm	Nếu thỏa điều kiện:	Thì có thể xét:
Điều chỉnh mức đánh giá KQHT	*Chỉ do kết quả đánh giá của duy nhất 01 môn học ; mà mức đánh giá kết quả học tập của Học kỳ, Cả năm bị thấp xuống từ 02 mức trở lên so với mức “Tốt”, “Khá” theo quy định.	*Mức đánh giá kết quả học tập của Học kỳ đó, Cả năm đó sẽ được điều chỉnh lên mức liền kề .

Mức đánh giá KQHT Cuối Học kỳ & Cả Năm	Nếu thỏa điều kiện:	Thì có thể xét:
Điều chỉnh mức đánh giá KQHT (trường hợp xét đặc cách)	*Chỉ do kết quả đánh giá của <u>duy nhất 01 môn học</u> ; mà mức đánh giá kết quả học tập của Học kỳ, Cả năm <u>bị thấp xuống từ 02 mức trở lên so với mức “Tốt”</u> theo quy định (bị xuống mức “Đạt” hoặc “Chưa đạt”).	*Mức đánh giá kết quả học tập của Học kỳ đó, Cả năm đó sẽ được điều chỉnh <u>lên mức liền kề</u> . (mức “Đạt” lên mức “Khá”; mức “Chưa đạt” lên mức “Đạt”)
	*Chỉ do kết quả đánh giá của <u>duy nhất 01 môn học</u> ; mà mức đánh giá kết quả học tập của Học kỳ, Cả năm <u>bị thấp xuống từ 02 mức trở lên so với mức “Khá”</u> theo quy định (bị xuống mức “Chưa đạt”).	*Mức đánh giá kết quả học tập của Học kỳ đó, Cả năm đó sẽ được điều chỉnh <u>lên mức liền kề</u> . (mức “Chưa đạt” lên mức “Đạt”)

HƯỚNG DẪN NHẬP LIỆU SỔ ĐIỂM ĐIỆN TỬ
NHẬN XÉT CỦA GVBM, GVCN (CUỐI KỲ)
§ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN / HẠNH KIỂM (CUỐI KỲ)
Từ năm học 2024-2025

(trích lược từ Quy chế đánh giá học sinh THPT)



(CĂN CỨ THEO TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CỦA CHƯƠNG
TRÌNH GDPT – 2018)

Quy định chung
về nhập liệu
nhận xét, đánh
giá năng lực,
phẩm chất của
học sinh

*Tất cả giáo viên bộ môn (**GVBM**) của từng bộ môn (**cả 03 khối lớp**) đều phải thực hiện nhận xét năng lực, phẩm chất của học sinh (**Cuối học kỳ 1, Cuối học kỳ 2, Cả năm học**); nhằm cung cấp đủ minh chứng cho giáo viên chủ nhiệm lớp (**GVCN**) thực hiện tổng hợp thông tin và đề xuất ý kiến trong Hội đồng xét duyệt đánh giá học sinh.

*GVCN cần bám sát quá trình rèn luyện đạo đức của từng học sinh của lớp, hướng dẫn học sinh tự nhận xét; cập nhật kịp thời các thông tin phản hồi của cha mẹ học sinh, của các bộ phận nhà trường hoặc cá nhân có liên quan trong quá trình giáo dục học sinh.

***Cuối học kỳ, cuối năm học**: GVCN thực hiện “chốt nhận xét” học sinh (cần nêu rõ 03 nội dung: “**sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu**” của quá trình học tập, rèn luyện) và tổng hợp kết quả rèn luyện (hạnh kiểm).

Thực hiện nhận
xét và đánh giá
năng lực, phẩm
chất của học
sinh (dựa trên
kết quả học tập
Cuối học kỳ, Cả
năm)

*GVBM (giáo viên bộ môn) căn cứ vào các tiêu chí, yêu cầu cần đạt về **Năng lực đặc thù** đối với học sinh, được quy định trong chương trình **mỗi môn học** của Chương trình GDPT-2018 (thông qua ma trận đặc tả môn học; ma trận kiểm tra, đánh giá định kỳ môn học); đồng thời, căn cứ vào các tiêu chí, yêu cầu cần đạt về **Năng lực chung** mà học sinh cần đáp ứng được từ mức tối thiểu trở lên; từ đó, đưa ra nhận xét cụ thể về “**sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu**” của học sinh trong toàn bộ quá trình học tập môn học và rèn luyện ở từng giai đoạn (học kỳ, cả năm):

- 1.Mức độ **tự lực, tự chủ** trong học tập; tự hoàn thiện được bản thân để thích ứng được với hoàn cảnh cuộc sống.
- 2.Mức độ thực hiện **Quy tắc ứng xử** trong quan hệ giao tiếp; **hợp tác tốt** trong thực hiện các hoạt động giáo dục của môn học.
- 3.Mức độ **tư duy, sáng tạo** trong giải quyết vấn đề thực tiễn.

Thực hiện nhận
xét và đánh giá
năng lực, phẩm
chất của học
sinh (dựa trên
kết quả học tập
Cuối học kỳ, Cả
năm)

*Ngoài ra, GVBM cần kết hợp căn cứ dựa trên các tiêu chí, yêu cầu cần đạt về **Phẩm chất chủ yếu** mà học sinh cần phải đáp ứng trong quá trình học tập và rèn luyện:

- 1.“**Yêu nước**”: Chấp hành quy định lớp học; nội quy, quy chế nhà trường; điều lệ trường trung học; chính sách, pháp luật nhà nước.
- 2.“**Nhân ái**”: Hòa đồng, đoàn kết tập thể; tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người; đảm bảo quy tắc ứng xử trong quan hệ giao tiếp.
- 3.“**Chuyên cần, chăm chỉ**” trong học tập; hoàn thành nhiệm vụ học tập theo quy định môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường.
- 4.“**Trung thực**” trong học tập và trong cuộc sống.
- 5.“**Có trách nhiệm** với bản thân và gia đình, với nhà trường và xã hội” trong việc xây dựng văn hóa trường học và nếp sống văn minh, thích nghi hội nhập.

Mức đánh giá Năng lực	Mô tả tiêu chí đánh giá học sinh (BQ ĐTBm: bình quân điểm trung bình môn qua các đợt kiểm tra, đánh giá của học kỳ)	GVBM thực hiện nhận xét (gợi ý thống nhất nội dung ghi)
Vận dụng cao (mức 4)	*Định tính: Sử dụng thành thạo kiến thức môn học, biết phát hiện và giải quyết tốt vấn đề mới; đề xuất được ý tưởng mới. *Định lượng: BQ ĐTBm $\geq 9,0$ điểm.	Đạt mức TỐT ; có tư duy độc lập, sáng tạo; có tiềm năng là học sinh xuất sắc (HSXS).
Vận dụng (mức 3)	*Định tính: Nắm rõ kiến thức môn học, liên kết hợp lý giữa các khái niệm cơ bản để áp dụng giải quyết vấn đề. *Định lượng: $9,0$ điểm $>$ BQ ĐTBm $\geq 8,0$ điểm.	Đạt mức TỐT ; có tư duy, kỹ năng vận dụng tốt; có khả năng là học sinh giỏi (HSG).
Thông hiểu (mức 2)	*Định tính: Hiểu kiến thức cơ bản của môn học; biết vận dụng lại các phương pháp để giải quyết tốt các vấn đề tương tự. *Định lượng: $8,0$ điểm $>$ BQ ĐTBm $\geq 5,0$ điểm.	Đạt mức KHÁ ; có kỹ năng vận dụng lại kiến thức; cần cố gắng rèn luyện cách tư duy tốt hơn.
Nhận biết (mức 1)	*Định tính: Nhớ được kiến thức cơ bản của môn học; biết nhận diện lại cách thức giải quyết vấn đề đã học. *Định lượng: $5,0$ điểm $>$ BQ ĐTBm $\geq 3,5$ điểm.	Ở mức ĐẠT ; nắm được kiến thức cơ bản; cần nỗ lực rèn luyện thêm để có kỹ năng thành thạo.
Chưa đạt (mức 0)	*Định tính: Chưa nắm kiến thức cơ bản, chưa nhận diện những nội dung đã được học khi được yêu cầu nhắc lại, mô tả lại. *Định lượng: BQ ĐTBm $< 3,5$ điểm.	Ở mức CHƯA ĐẠT ; chưa đáp ứng được yêu cầu môn học, cần rèn luyện lại và phải chuyên cần hơn.

Quy định về thực hiện đánh giá và nhập liệu Kết quả rèn luyện (hoặc hạnh kiểm) của học sinh ở mỗi Học kỳ và Cả năm

*Đối với học sinh học Chương trình **GDPT-2018**: **GVCN** lưu ý tổng hợp đánh giá Kết quả rèn luyện (**KQRL**) của học sinh theo 01 (một) trong 04 (bốn) mức: Tốt (**T**), Khá (**K**), Đạt (**Đ**), Chưa đạt (**CD**); việc đánh giá KQRL độc lập với kết quả học tập (KQHT) và căn cứ trên tổng hợp đánh giá năng lực, phẩm chất học sinh từ các **GVBM** dạy lớp (Thông tư số **22/2021**/TT-BGDĐT).

*Đối với học sinh học Chương trình **GDPT-2006**: **GVCN** lưu ý tổng hợp đánh giá Hạnh kiểm (**HK**) của học sinh theo 01 (một) trong 04 (bốn) mức: Tốt (**T**), Khá (**K**), Trung bình (**TB**), Yếu (**Y**); việc đánh giá **HK** được căn cứ trên việc kết hợp đối sánh học lực (**HL**) và rà soát vi phạm nội quy của học sinh (Thông tư số **26/2020**/TT-BGDĐT, Thông tư số **58/2011**/TT-BGDĐT) và **HK ở Học kỳ 2** quyết định **HK của Cả năm**.

Mức đánh giá KQRL Cuối Học kỳ	Tiêu chí đánh giá: điều kiện Cần	Tiêu chí đánh giá: điều kiện Đủ
TỐT: T	*Học sinh đáp ứng tốt, đầy đủ 05 phẩm chất chủ yếu cần đạt. *GVCN tổng hợp đánh giá (năng lực, phẩm chất) từ mức Khá trở lên.	*Học sinh thể hiện tốt, đầy đủ 03 năng lực chung cần đạt (Tự lực, tự chủ; Ứng xử, hợp tác tốt; Có tư duy, sáng tạo). *GVBM đánh giá (năng lực môn học) từ mức Khá trở lên.
KHÁ: K	*Học sinh đáp ứng tốt 02 phẩm chất chủ đạo (Yên nước; Nhân ái); đáp ứng được 2/3 phẩm chất còn lại (Chuyên cần, chăm chỉ; Trung thực; Có trách nhiệm). *GVCN tổng hợp đánh giá (năng lực, phẩm chất) từ mức Đạt trở lên.	*Học sinh chưa thể hiện đầy đủ, rõ nét 03 năng lực chung của học sinh; hoặc chỉ mới đáp ứng 2/3 yêu cầu về năng lực chung. *Có GVBM đánh giá (năng lực môn học) từ mức Đạt trở lên.

Mức đánh giá KQRL Cuối Học kỳ	Tiêu chí đánh giá: điều kiện Cần	Tiêu chí đánh giá: điều kiện Đủ
ĐẠT: Đ (Trung bình: TB)	*Học sinh đáp ứng được 02 phẩm chất chủ đạo (Yên nước; Nhân ái); có thể đáp ứng 2/3 phẩm chất còn lại (Chuyên cần, chăm chỉ; Trung thực; Có trách nhiệm). *GVCN tổng hợp đánh giá (năng lực, phẩm chất) từ mức Đạt trở lên.	*Học sinh có hạn chế, khuyết điểm chưa khắc phục trong học tập môn học; bị khiển trách do tái phạm quy định trường lớp hoặc sai phạm nội quy cấp trường. *Có GVBM đánh giá (năng lực môn học) ở mức Đạt hoặc Chưa đạt.
CHƯA ĐẠT: CĐ (Yếu: Y)	*Học sinh vi phạm Quy chế kiểm tra, thi cử. *Học sinh vi phạm quy định về trách nhiệm của học sinh theo Điều lệ trường trung học; hoặc vi phạm nội quy cấp trường từ mức cảnh cáo trở lên. *Học sinh chưa đáp ứng được yêu cầu điều kiện cần của mức Đạt (các trường hợp còn lại).	

Mức đánh giá KQRL Cả Năm	Mức đánh giá KQRL ở Học kỳ 2	Mức đánh giá KQRL ở Học kỳ 1
TỐT: T	*GVCN tổng hợp đánh giá ở mức Tốt . *GVBM đánh giá học tập đều ở mức Tốt .	*GVCN tổng hợp đánh giá từ mức Khá trở lên. *GVBM đánh giá học tập từ mức Khá trở lên.
KHÁ (K)	*GVCN tổng hợp đánh giá ở mức Tốt ; *GVBM đánh giá học tập đều ở mức Tốt .	*GVCN tổng hợp đánh giá ở mức Đạt hoặc là Chưa đạt . *Có GVBM đánh giá học tập ở mức Đạt hoặc là Chưa đạt .
	*GVCN tổng hợp đánh giá ở mức Khá ; *GVBM đánh giá học tập từ mức Khá trở lên.	*GVCN tổng hợp đánh giá từ mức Đạt trở lên. *GVBM đánh giá học tập từ mức Đạt trở lên.
	*GVCN tổng hợp đánh giá ở mức Đạt ; *GVBM đánh giá học tập từ mức Đạt trở lên.	*GVCN tổng hợp đánh giá ở mức Tốt . *GVBM đánh giá học tập đều ở mức Tốt .

Mức đánh giá KQRL Cả Năm	Mức đánh giá KQRL ở Học kỳ 2	Mức đánh giá KQRL ở Học kỳ 1
ĐẠT: Đ (Trung bình: TB)	*GVCN tổng hợp đánh giá ở mức Khá . *GVBM đánh giá học tập đều từ mức Khá trở lên.	*GVCN tổng hợp đánh giá ở mức Chưa đạt . *Có GVBM đánh giá học tập ở mức Chưa đạt .
	*GVCN tổng hợp đánh giá ở mức Đạt ; *GVBM đánh giá học tập từ mức Đạt trở lên.	*GVCN tổng hợp đánh giá có thể ở mức Khá hoặc Đạt , hoặc Chưa đạt . *Có GVBM đánh giá học tập ở mức Khá hoặc Đạt , hoặc Chưa đạt . (*nói cách khác: không đạt được mức Tốt)
CHƯA ĐẠT: CĐ (Yếu: Y)	*Các trường hợp còn lại.	